

VAI TRÒ CỦA KINH ĐÔ THĂNG LONG TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP TOÀN CẦU CỦA ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XVII

TS Hoàng Anh Tuấn*, ThS Lê Thuỳ Linh**

Có hay không một kỷ nguyên toàn cầu hoá trong lịch sử nhân loại giai đoạn cận đại sơ kỳ? Ba thập kỷ nghiên cứu và tranh luận của giới sử học quốc tế đã góp phần phục dựng bức tranh toàn cảnh về một diễn trình hội nhập toàn cầu diễn ra từ sau các phát kiến của Christopher Columbus đến cuộc cách mạng tư sản Pháp (khoảng 1500 - 1789). Các quốc gia Đông Á, Đại Việt nói riêng, đã hội nhập như thế nào và có vai trò quan trọng đến đâu trong hệ thống trao đổi thương mại và giao lưu văn hoá toàn cầu thời kỳ đó? Gần một thập niên khai thác và nghiên cứu tương đối hệ thống các nguồn tư liệu phương Tây liên quan đến Đại Việt cho phép khẳng định một cách chắc chắn: Đại Việt - với vai trò nổi bật của Kinh đô Thăng Long - đã có sự hội nhập nhất định vào quá trình toàn cầu hoá cận đại sơ kỳ.

1. Kỷ nguyên thương mại và toàn cầu hoá cận đại sơ kỳ

Trong cách phân kỳ lịch sử Tây Âu, giai đoạn từ sau các đại phát kiến địa lý của hai dân tộc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha cuối thế kỷ XV đến cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII thường được gọi chung là giai đoạn “cận đại sơ kỳ”¹. Từ cuối thế kỷ XX trở lại đây, ở nhiều nền sử học phương Đông, khái niệm “cận đại sơ kỳ” cũng ngày càng được xác lập một cách phổ biến trong cách phân kỳ lịch sử các dân tộc². Mặc dù vậy, ở Việt Nam, khái niệm “cận đại sơ kỳ” vẫn chưa được sử dụng một cách chính thống trong các công trình sử học mang tính quy chuẩn mặc dù các nhà nghiên cứu đã luận bàn tương đối nhiều về những chuyển biến nội sinh của Đại Việt dưới tác động của các luồng thương mại và bang giao quốc tế³.

Không chỉ khai sinh giai đoạn cận đại sơ kỳ, các đại phát kiến địa lý của người châu Âu đồng thời mở ra một kỷ nguyên phát triển mới cho quan hệ thương mại và bang giao

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

** Viện Sử học Việt Nam.

giữa phương Đông và phương Tây - tiền đề của quá trình toàn cầu hoá. Sau khi tìm ra các con đường sang Đông Ấn và Tây Ấn, trong suốt thế kỷ XVI, hai dân tộc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã tiến hành khai thác thuộc địa (khai mỏ bạc ở Nam Mỹ) và khai mở các tuyến buôn bán nối liền nhiều trung tâm kinh tế lớn của thế giới (Lisbon - Ấn Độ - Đông Nam Á - Trung Quốc - Nhật Bản). Sang thế kỷ XVII, các dân tộc châu Âu khác như Anh, Hà Lan, Pháp... cũng tham gia một cách mạnh mẽ vào hệ thống trao đổi này. Từ Mỹ Latinh, bạc nén theo thuyền về Tây Ban Nha để từ đó chảy sang các trung tâm thương mại lớn của châu Âu như Lisbon, Luân Đôn, Antwerp (Bỉ), Amsterdam (Hà Lan)... Từ các trung tâm thương mại chính đó, bạc lại theo các thương thuyền Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... sang Đông Ấn (Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Quốc...), chưa kể đến một lượng bạc lớn khác chảy thẳng từ Nam Mỹ sang Manila (Philippines) trên các thương thuyền Tây Ban Nha vượt Thái Bình Dương.

Ngoài bạc, các loại thương phẩm cũng được trao đổi rộng rãi: vải dạ, đồ mỹ nghệ và kỹ thuật của châu Âu cũng theo thuyền sang phương Đông để đổi lấy hương liệu, tơ lụa, gốm sứ, xạ hương... Từ thế kỷ XVI, một mạng lưới thương mại liên hoàn đã được người Bồ Đào Nha lập ra, nối liền thương cảng Lisbon với Goa (Ấn Độ), Malacca (Đông Nam Á), Macao (Trung Quốc), Nagasaki (Nhật Bản). Ở phía tây, không chỉ thương phẩm mà một dòng chảy nhân lực (người châu Âu và nô lệ châu Phi) cũng tràn qua Đại Tây Dương, hình thành những trung tâm kinh tế thuộc địa mới nằm rải rác từ miền Bắc đến miền Nam châu Mỹ. Các loại cây trồng và vật nuôi (khoai lang, ngô, đậu...) từ Nam Mỹ được giới thiệu sang Đông Á, góp phần làm nên sự bùng nổ dân số và biến đổi kinh tế - xã hội ở Trung Quốc thế kỷ XVIII, trong khi các loại dịch bệnh từ các cựu châu lục cũng theo chân người châu Âu và nô lệ da đen sang tân thế giới, góp phần vào quá trình diệt vong của nhiều nền văn minh cổ xưa thuộc khu vực Nam Mỹ... Quá trình toàn cầu hoá giai đoạn cận đại sơ kỳ ra đời từ đó⁴.

2. Hội nhập toàn cầu của Đại Việt thế kỷ XVII và vai trò của Kinh đô Thăng Long

Cho đến những năm cuối của thế kỷ XX, trước khi có những nghiên cứu mới về Thăng Long (Đại Việt nói chung) thế kỷ XVII, giới sử học nhìn chung duy trì quan điểm tương đối thiếu tích cực về vị trí và vai trò của kinh đô Thăng Long trong các mạng lưới thương mại và bang giao quốc tế. Trong cách nhìn truyền thống, việc các triều đình phong kiến Việt Nam, nhất là triều Lê sơ, không chủ trương thúc đẩy ngoại thương khiến cho nhiều nhà nghiên cứu duy trì quan điểm về sự “khép kín” hoặc thậm chí “biệt lập” của Đại Việt với các dòng chảy thương mại khu vực và quốc tế vốn diễn ra hết sức sôi động ở khu vực Biển Đông. Chẳng hạn, trong lý luận của mình về nền hải thương Đông Nam Á giai đoạn cận đại sơ kỳ, học giả Anthony Reid cho rằng, đến cuối thế kỷ XVI, Thăng Long - mặc cho sự hưng thịnh về kinh tế và mậu dịch quốc nội - vẫn nằm khá xa các tuyến hải thương quốc tế nối Đông Bắc Á với các hải cảng quốc tế phương nam và phía tây⁵.

Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVII (hoặc khoảng giữa thế kỷ XVIII đối với trường hợp Đàng Trong), vấn đề hội nhập quốc tế của quốc gia Đại Việt đã có bước phát triển ngoạn mục, khẳng định vị trí chiến lược và vai trò trọng yếu của Đại Việt trong hệ thống thương mại và bang giao toàn cầu. Cuộc khủng hoảng chính trị của triều Lê sơ (đỉnh cao là sự phân cắt Đàng Ngoài - Đàng Trong) góp phần thúc đẩy xu thế hướng ngoại của hai tập đoàn phong kiến Trịnh và Nguyễn nhằm tìm kiếm các hậu thuẫn về tài chính và quân sự từ các thế lực ngoại bang. Nếu như ở Đàng Trong, các chúa

Nguyễn tận dụng thương cảng Hội An để thu hút thương nhân ngoại quốc đến buôn bán nhằm thiết lập quan hệ chiến lược với họ (đặc biệt là với người Nhật và người Bồ Đào Nha), ở Đàng Ngoài - dù chậm chân hơn so với họ Nguyễn - các chúa Trịnh (tiêu biểu là chúa Trịnh Tráng và chúa Trịnh Tạc) cũng đã có những chủ trương nhất định trong việc khai thác chức năng thương mại của kinh đô Thăng Long trong việc thiết lập quan hệ với các thế lực nước ngoài. Từ cuối thế kỷ XVI, các thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản và Đông Nam Á ghé thăm các thương cảng và trung tâm buôn bán nội địa của Đàng Ngoài ngày càng nhiều. Từ cuối thập niên 20 của thế kỷ XVII, người Bồ Đào Nha khai mở quan hệ buôn bán với chính quyền Thăng Long. Năm 1637, Công ty Đông Ấn Hà Lan thiết lập quan hệ buôn bán với vương quốc Đàng Ngoài, lập thương điểm buôn bán ở Kê Chợ đến tận năm 1700 mới chấm dứt. Công ty Đông Ấn Anh cũng thiết lập thương điểm buôn bán ở Phố Hiến và Thăng Long trong giai đoạn 1672 - 1697. Ngoài ra, người Pháp, người Tây Ban Nha... cũng tham gia vào các hoạt động thương mại và truyền giáo ở Thăng Long nói riêng, Đại Việt nói chung trong các thời kỳ khác nhau của thế kỷ XVII⁶.

Với riêng vương quốc Đàng Ngoài của Đại Việt, xung lực chính cho quá trình dự nhập toàn cầu nằm ở vai trò của một số thương phẩm xuất khẩu có giá trị và nhu cầu cao trên thị trường, tiêu biểu nhất là các loại sản phẩm tơ lụa, thứ đến là gôm sứ, xạ hương, quế, đồ sơn mài... Theo những số liệu trích lục được từ kho tư liệu lưu trữ của các Công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh, trong giai đoạn tơ lụa Đàng Ngoài có vị trí cao ở thị trường khu vực (đặc biệt là thị trường Nhật Bản, giai đoạn 1641 - 1654). Hàng năm, Đàng Ngoài sản xuất ra khoảng 90 tấn tơ sống và khoảng 6.000 đến 10.000 tấm vải lụa khổ lớn (lĩnh, hoàng quyển...). Sự hấp dẫn của tơ lụa và các loại hàng hoá xuất khẩu Đàng Ngoài khiến cho lượng tiền (bạc nén, các loại đồng tiền bạc, tiền đồng, đồng thời...) đổ vào Đàng Ngoài đứng ở mức khá cao: trong khoảng 7 thập niên cuối của thế kỷ XVII, trung bình mỗi năm người Hà Lan và người Hoa đưa vào Đàng Ngoài khoảng hơn 350.000 guilder Hà Lan (khoảng hơn 100.000 lạng bạc nén) để trao đổi các loại hàng hoá của Đàng Ngoài, chưa kể vốn đầu tư của các lực lượng buôn bán ngoại quốc khác như Nhật Bản, Bồ Đào Nha, thương nhân Đông Nam Á...⁷ Sự phát triển của ngoại thương thúc đẩy sự mở rộng của nền kinh tế hàng hoá Đại Việt, kéo theo sự dịch chuyển nhân lực sang lĩnh vực sản xuất hàng thủ công nghiệp xuất khẩu (tơ lụa, gôm sứ). Ngoài ra, sự hiện diện của hàng trăm người ngoại quốc mỗi năm, kể cả những người lưu trú lâu dài hoặc tạm trú vài ba tháng để chờ tàu rời bến, cũng có tác động đáng kể đến sự chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài⁸.

Điều đáng lưu ý là, nếu như thương cảng Hội An là khởi nguồn của sự thịnh đạt của vương quốc Đàng Trong, Kinh đô Thăng Long - Kê Chợ có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt là quá trình hội nhập quốc tế của vương quốc Đàng Ngoài. Trong thế kỷ XVII, các hoạt động giao thương với người nước ngoài diễn ra chủ yếu ở một số địa điểm nằm dọc theo tuyến sông Hồng từ Thăng Long ra biển: kinh đô Kê Chợ, Phố Hiến, Domea (nay thuộc Tiên Lãng, Hải Phòng). Tuy nhiên, hoạt động thương mại chính diễn ra ở kinh đô Thăng Long.⁹ Vì vậy, có thể nói, Thăng Long là xung lực chính cho quá trình hội nhập của vương quốc Đàng Ngoài vào quỹ đạo toàn cầu hoá thế kỷ XVII:

2.1. Nhắc đến Thăng Long, người ta thường nghĩ ngay đến chức năng chính trị của một kinh đô. Tuy nhiên, bên cạnh chức năng là đầu não chính trị (*thành*) của quốc gia Đại Việt qua nhiều triều đại, Thăng Long còn nổi bật với chức năng kinh tế và thương mại (*thị*). Đặc biệt, từ thời Lê sơ, với việc khu thương mại được mở rộng về phía đông Hoàng thành, chức

năng “thị” của Kinh đô ngày càng nổi bật. Cùng với chính sách của triều đình, các dòng di cư của thợ nghề từ nhiều làng nghề nổi tiếng khác nhau đến Thăng Long đã góp phần tạo nên những trung tâm sản xuất, những phố chuyên nghề và chuyên các mặt hàng thủ công nghiệp nổi tiếng: phố Hàng Đào chuyên tơ lụa, vải vóc; phố Hàng Bạc chuyên các mặt hàng kim hoàn, đồ tiền; phố Hàng Buồm chuyên các thiết bị cho vận tải đường thủy, làng Bát Tràng sản xuất gốm sứ xuất khẩu...¹⁰ Sự đa dạng và dồi dào về thương phẩm xuất khẩu đã thu hút người ngoại quốc về đây tụ cư lập thương điểm buôn bán.

2.2. Không chỉ là trung tâm sản xuất hàng hoá, Kinh đô Thăng Long còn là nơi tập kết hàng hoá từ nhiều trung tâm sản xuất khác nhau ở châu thổ sông Hồng. Tơ lụa từ các xứ Kinh Bắc, Sơn Nam, xứ Đoài..., quế từ các vùng miền núi Tây Bắc, xạ hương và vàng do thương nhân mang từ các vùng biên giới Việt - Trung... đều đổ về Thăng Long để phục vụ nhu cầu thu mua của các thương điểm ngoại quốc. Người phương Tây đến Thăng Long và các buổi chợ phiên đều trầm trồ về sự đông đúc và tập nập của các dòng người và thương phẩm từ các địa phương đổ về kinh đô.

Quy mô của Kê Chợ sánh ngang nhiều thành thị khác ở châu Á trong khi dân số của Kê Chợ lớn hơn nhiều, nhất là vào phiên chợ ngày 1 và 15 âm lịch hàng tháng khi người dân cùng với hàng hoá từ các làng ven đô đổ về đây nhiều không đếm xuể. Những con phố ngày thường vốn rộng rãi và quang đãng giờ đây trở nên chật chội đến nỗi chỉ nhích được 100 bước trong vòng 30 phút. Các loại hàng hoá khác nhau được quy định bán ở các con phố riêng; mỗi con phố gồm cư dân của một hoặc hai ba làng. Những người dân ở các con phố tổ chức hàng bán theo kiểu phường hội ở các thành thị châu Âu.¹¹

2.3. Những đặc điểm nổi bật về kinh tế và thương mại đưa đến một chức năng khác nữa của Kinh đô Thăng Long: trung tâm chính trị đối ngoại của vương quốc Đàng Ngoài. Quan điểm sử học truyền thống nhấn mạnh sự cảnh giác của các triều đình phong kiến Đại Việt có xu hướng cho rằng thương nhân ngoại quốc (người ngoại quốc nói chung) bị nghiêm cấm thâm nhập vào kinh đô nhằm phòng tránh gián điệp phương Bắc. Tuy nhiên, một số nghiên cứu mới đã xác thực về sự hiện diện của thương nhân ngoại quốc ngay tại Kinh đô Thăng Long dưới triều Trần¹². Sang thế kỷ XVII, quan điểm của triều đình phong kiến Đại Việt trở nên phóng khoáng một cách đặc biệt: triều đình cho phép thương nhân, giáo sỹ, nhà du hành... ngoại quốc vào lưu trú và kinh doanh trong nội địa, thậm chí ngay tại Kinh thành Thăng Long. Cho đến tận cuối thập niên 80 của thế kỷ XVII, người Hoa vẫn được phép lưu trú buôn bán ở Thăng Long. Người Bồ Đào Nha khi buôn bán từ Macao sang Đàng Ngoài cũng được phép lên Kinh đô giao dịch. Đặc biệt, hai Công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh đều lập thương điểm để định cư và kinh doanh ngay tại Kinh đô Thăng Long:

“Thương điểm của người Anh tọa lạc một cách yên bình ở phía bắc của thành phố [Kê Chợ] và quay mặt ra sông. Đây là một ngôi nhà thấp, trông đẹp mắt và là ngôi nhà đẹp nhất mà tôi đã trông thấy trong thành phố. Ở chính giữa có một phòng ăn xinh xắn và ở các phía là những căn phòng tiện nghi dành cho thương nhân, nhân viên thương điểm và người hầu của công ty. Ngôi nhà này được xây song song với con sông, ở mỗi đầu hồi lại có những ngôi nhà nhỏ hơn mang các công dụng khác nhau như nhà bếp, nhà kho... đứng thành một hàng dài đi từ căn nhà chính ra tận sông, tạo thành hai cánh và một cái sân vuông để trông về phía sông. Ở góc sân phía bờ sông có một cờ treo cờ Anh trong các dịp lễ vì người Anh chúng ta có thói quen treo quốc kỳ trong ngày Chủ Nhật

cũng như các ngày lễ tiết khác. Thương điếm của người Hà Lan giáp thương điếm của người Anh ở mạn nam. Tôi chưa bao giờ đi vào đó nên chẳng thể mô tả gì hơn về thương điếm ấy ngoài những điều được người khác kể lại khu thương điếm của họ không rộng như của chúng ta tuy rằng họ đã đến đây trước chúng ta nhiều năm và bởi người Anh vừa chuyển về đây từ Phố Hiến, nơi họ cư trú trước đây”¹³.

2.4. Thăng Long đồng thời là địa bàn chính tiếp nhận các thành tựu khoa học, kỹ thuật, văn hoá, tôn giáo... của phương Tây vào Đàng Ngoài. Do cuộc chiến kéo dài với họ Nguyễn Đàng Trong, kỹ nghệ quân sự phương Tây được triều đình Lê - Trịnh đặc biệt quan tâm. Ngoài việc thu mua súng từ người Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh..., chúa Trịnh đôi khi yêu cầu người phương Tây tham gia chế tạo súng tại Đàng Ngoài hoặc cử những thợ súng giỏi sang hướng dẫn binh sỹ triều đình sử dụng hoả khí. Trong thư gửi Toàn quyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Batavia năm 1670, Chúa Trịnh Tạc viết: “Nhân tàu khởi hành ta gửi Quốc vương Batavia bức thông thư thông báo ý định thanh toán các mặt hàng và thần công cỡ lớn mà Quốc vương sẽ gửi sang trong thời gian tới bằng tư lự theo giá trị tương xứng. Đề nghị Quốc vương cử một đốc quân sang Đàng Ngoài giúp ta huấn luyện binh sĩ. Hy vọng Quốc vương Batavia thoả mãn yêu cầu của ta để tình giao hiếu mãi được trường tồn, như nhật nguyệt thiên thu còn sáng mãi”¹⁴.

Đối với các giáo sỹ phương Tây, bên cạnh việc truyền giáo ở các khu vực duyên hải và nông thôn, Thăng Long cũng được xác định là địa bàn chiến lược quan trọng trong việc mở rộng ảnh hưởng của Thiên Chúa. Nhằm lách luật của triều đình, các giáo sỹ luôn tìm cách để được lên kinh đô thuyết giảng. Một nhà du hành đến Kê Chợ năm 1688 nhận xét: “Tôi được cho biết rằng các vị giám mục người Pháp này không được sống ở Kê Chợ, cũng không được đi đến đó nếu không có giấy phép của quan trấn thủ... Những nhà truyền giáo ở đây đều thông thạo với các công việc sửa chữa các loại đồng hồ - những việc mà dân địa phương vốn kém hiểu biết - và điều này là một lợi thế để quan lại triệu tập họ lên Kê Chợ. Khi đã lên đến kinh đô rồi họ sẽ biến một việc còn con vốn cần không quá 5 đến 6 giờ đồng hồ để hoàn thiện thành một việc có vẻ khó khăn và cần gấp đôi thời gian, thậm chí phải vài ngày mới làm xong được. Theo cách này họ có thời giờ rảnh để thuyết giảng giáo lý trong khi lưu trú tại Kê Chợ”¹⁵.

3. Tiểu kết

Việc khai mở các tuyến hàng hải và thương mại đường dài nối liền Đông - Tây sau các phát kiến địa lý của người châu Âu khiến cho trao đổi toàn cầu nhanh chóng được mở rộng và phát triển ngày càng mạnh mẽ. Trong các thế kỷ XVI - XVIII, các tuyến buôn bán, các dòng chảy thương phẩm, giống cây trồng và vật nuôi... được xác lập; quá trình tiếp xúc và giao lưu giữa các nền văn hoá, các thế giới tôn giáo, các tiến bộ khoa học kỹ thuật... diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Sự trao đổi thương mại (kim loại tiền tệ như bạc, đồng, vàng lấy các thương phẩm thủ công nghiệp xuất khẩu như vải vóc, hương liệu, đồ gia dụng...) khiến cho các nền kinh tế hội nhập vào dòng chảy thương mại ngày càng trở nên phụ thuộc và chi phối lẫn nhau. Đây chính là cơ sở để xác lập quá trình toàn cầu hoá trong lịch sử nhân loại giai đoạn cận đại sơ kỳ (thế kỷ XVI - XVIII), trong đó Đại Việt và một số quốc gia Đông Á khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm, Indonesia, Philippines... đã dự nhập một cách tương đối sâu, rộng và chịu những tác động đáng kể từ hệ thống trao đổi toàn cầu.

Đối với vương quốc Đàng Ngoài của quốc gia Đại Việt, quá trình hội nhập quốc tế diễn ra đặc biệt sôi động trong thế kỷ XVII. Các thế lực thương mại, hàng hải, tôn giáo khác nhau (Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp, Xiêm, Java...) đều thâm nhập vào, định cư, buôn bán ở một số trung tâm chính trong nội địa. Trong số đó, kinh đô Thăng Long là trung tâm thương mại quan trọng bậc nhất của vương quốc Đàng Ngoài, nơi sản xuất và tập kết hàng hoá xuất khẩu (tơ, lụa, gốm sứ, vàng, xạ hương, quế...) để thương nhân ngoại quốc thu mua và chuyên chở đi các thị trường khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chính sách tương đối cởi mở của triều đình Lê - Trịnh cũng cho phép người ngoại quốc được phép lập thương điểm lưu trú và kinh doanh, tạo điều kiện để quá trình giao lưu văn hoá, kỹ thuật, tôn giáo... được diễn ra một cách chủ động hơn. Không hề cường điệu khi cho rằng kinh đô Thăng Long có vai trò quyết định trong quá trình dự nhập vào quỹ đạo toàn cầu hoá cận đại sơ kỳ của vương quốc Đàng Ngoài thế kỷ XVII.

CHÚ THÍCH

- ¹ Khái niệm “cận đại sơ kỳ” (early modern) xuất hiện từ thập niên 40 của thế kỷ XX để chỉ một thời kỳ lịch sử sôi động của Tây Âu từ 1500 đến 1750 hoặc 1789. Từ thập niên 70 của thế kỷ XX, khái niệm “cận đại sơ kỳ” ngày càng được sử dụng một cách phổ biến trong giới sử học Anh, Đức, Hà Lan... Cùng với sự chấp nhận ngày càng rộng rãi của khái niệm “cận đại sơ kỳ”, khái niệm “cận đại” (modern) cũng được đẩy lùi về giai đoạn kể từ sau cách mạng tư sản Pháp hoặc từ sau cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Xin xem: Peter Burke, *Can We Speak of an Early Modern World?* IAS Newsletter 43/2007 (spring), p. 10.
- ² Đến nay, phần lớn giới sử học phương Đông đã coi “cận đại sơ kỳ” là một (tiểu) giai đoạn hữu cơ trong lịch sử của các dân tộc: Châu Mỹ bước vào giai đoạn cận đại sơ kỳ từ sau năm 1492 (năm nhà thám hiểm Christopher Columbus tìm ra châu Mỹ); Cận Đông lấy mốc 1501 - năm thành lập triều đại Safavid hùng mạnh - là thời điểm khu vực thuộc đế chế Ottoman (Đông Nam Âu xuống Tây Á, Trung Á và phần lớn lục địa đen) là mốc niên đại bước vào giai đoạn “cận đại sơ kỳ”; khu vực Nam Á lấy năm 1526 - thời kỳ phát triển đỉnh cao của đế chế Mughal - là thời điểm bắt đầu giai đoạn “cận đại sơ kỳ”; thế giới Đông Nam Á hải đảo coi việc người Bồ Đào Nha chiếm giữ Malacca (1511) và thâm nhập mạnh mẽ vào các khu vực khác nhau của vùng quần đảo hương liệu trong các thập kỷ tiếp theo của thế kỷ XVI, đặc biệt là sự xuất hiện của hai thế lực hàng hải Tây Âu là Hà Lan và Anh trong thế kỷ XVII, làm điểm phân kỳ; lịch sử Nhật Bản bước sang thời kỳ cận thế bằng sự kiện thống nhất đất nước sau cuộc nội chiến trăm năm và việc Mạc Phủ Đức Xuyên (Tokugawa) lên nắm quyền vào đầu thế kỷ XVII; Trung Quốc cũng có bước chuyển mình hết sức căn bản kể từ sau cuộc chuyển giao triều chính Minh - Thanh (1644), nhất là sau khi triều Thanh dẹp xong thế lực phản Thanh phục Minh Trịnh Thành Công ở Đài Loan (1683) và mở cửa đất nước (1684)...
- ³ Về lịch sử Việt Nam, xin xem chẳng hạn: Nguyễn Quang Ngọc (cb.), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001; Đối với các sách giáo khoa lịch sử thế giới, có thể xem: Vũ Dương Ninh - Nguyễn Văn Hồng, *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- ⁴ Arturo Giraldez, “Philippin và toàn cầu hóa lần đầu tiên”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 12/2009, tr.54-65.
- ⁵ Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce* (Vol. 2: *Expansion and Crisis*), New Haven: Yale University Press, 1993, 62-63, 71 và các trang tiếp theo.
- ⁶ Hoàng Anh Tuấn, *Silk for Silver: Dutch-Vietnamese Relations, 1637 - 1700* (Leiden-Boston: Brill), 2007, pp. 45-57.
- ⁷ Hoàng Anh Tuấn, “Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Hà Nội, 12/2009, tr.18-30 và 1/2010, tr.53-63.
- ⁸ Về tác động của ngoại thương (toàn cầu hóa nói chung) đến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII, xin xem: Hoàng Anh Tuấn, “Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII”.
- ⁹ Trong số 3 địa điểm nổi bật trên, Domea là cửa ngõ giao thương, nơi thương thuyền ngoại quốc neo đậu chờ hàng và thủy thủ lưu trú chờ khởi hành. Phố Hiến mang nặng chức năng tuần ty và một số chức năng thương mại nhất định nhưng không mạnh như Kinh đô Thăng Long. Về vấn đề phân định chức năng của hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII, xin xem: Hoàng Anh Tuấn, “Hải cảng miền đông bắc và hệ

thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII qua các nguồn tư liệu phương Tây”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Hà Nội, 1/2007, tr.54-64 & 2/2007, tr.54-63.

- ¹⁰ Nguyễn Thừa Hỷ, *Economic History of Hanoi in the 17th, 18th and 19th Centuries* (Hanoi: ST Publisher, 2002), pp. 155-169.
- ¹¹ Samuel Baron, “Mô tả vương quốc Đàng Ngoài (1683)”, in trong: Nguyễn Thừa Hỷ, *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phương Tây*, NXB Hà Nội, 2010, tr.141.
- ¹² Li Tana, “A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnam Coast”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 37/1 (2006), pp. 83-102.
- ¹³ William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007, tr.67-68.
Người Hà Lan đến buôn bán ở Đàng Ngoài từ năm 1637 đến năm 1700. Người Anh đến Đàng Ngoài năm 1672 và bị buộc phải cư trú ở Phố Hiến đến tận năm 1683 mới được phép chuyển lên Kẻ Chợ. Năm 1697 người Anh rời bỏ Đàng Ngoài vì tình trạng thương mại đình đốn.
- ¹⁴ Trích thư Chúa Trịnh Tạc gửi Toàn quyền Joan Maetsuyker năm 1670, trong: *Daghregister Batavia 1670*, tr.205-206.
- ¹⁵ William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, sđd, tr.116.